CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 132/EB/2023

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB

Địa chỉ: Số 163, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 01, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 028.39958368 Fax: 028.39958423

Mã số doanh nghiệp: 0105696842

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm:

THỰC PHẨM BỔ SUNG: THỨC UỐNG TRÁI CÂY THẠCH KONNYAKU HƯƠNG ỔI HỒNG - NURISH MATE

2. Thành phần: Nước, nước nho trắng (từ nước nho trắng cô đặc), đường, puree ổi (1%), polydextroses (4%) (cung cấp 5.000 mg chất xơ), chất tạo gel (407, 425), chất điều chỉnh độ acid (296, 330, 331(iii), 332(ii)), chất ổn định 508, vitamin C (0,08%), chất bảo quản (202, 211), chất tạo ngọt tự nhiên 960a, hương liệu giống tự nhiên.
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 1 năm kể từ ngày sản xuất.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Quy cách đóng gói	Chất liệu bao bì
Khối lượng tịnh: 150 g	Sản phẩm được bao gói trực tiếp bằng túi nhôm
Khối lượng tịnh: 450 g (3 gói x 150 g)	Sản phẩm được bao gói trực tiếp bằng các túi nhôm, bên ngoài là túi PE lớn

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (sản phẩm nhập khẩu): MAXMA FOOD CO., LTD. - 14 Soi Chalermprakiat Rama 9 Soi 2 Junction 2, Srinakarin Road Nongbon, Pravet, Bangkok 10250, Thailand (Thái Lan).

III. Mẫu nhãn sản phẩm

Đính kèm (Theo 43/2017/NĐ-CP Nghị định về Nhãn hàng hóa và 111/2021/NĐ-CP Nghị định về Sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 43/2017/NĐ-CP nhãn hàng hóa).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

1. **Chỉ tiêu độc tố vi nấm:** theo QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Ochratoxin A	µg/kg	2
2	Patulin	µg/kg	50

2. **Chỉ tiêu kim loại nặng**: theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm và QCVN 6-2:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Chì (Pb)	mg/kg	0,05
2	Cadmi (Cd)	mg/kg	1,0
3	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,1

3. **Chỉ tiêu vi sinh vật**: theo QCVN 6-2:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^2
2	*Coliforms*	CFU/g	10
3	*E. coli*	CFU/g	Không được có
4	*Streptococci faecal*	CFU/g	Không được có
5	*Pseudomonas aeruginosa*	CFU/g	Không được có
6	*Staphylococcus aureus*	CFU/g	Không được có
7	*Clostridium perfringens*	CFU/g	Không được có
8	Tổng số nấm men – nấm mốc	CFU/g	10

4. **Chỉ tiêu dư lượng thuốc bảo vệ thực vật**: theo QCVN 6-2:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1	Propargit	mg/kg	1

V. Hàm lượng chất bổ sung

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Chất xơ tiêu hóa	mg/150 g	≥ 5.000
2	Vitamin C	mg/150 g	≥ 42

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 06 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB

LÊ THỊ MINH TRANG

Giám Đốc Chất lượng và Vệ sinh ATTP Toàn Quốc

MỨC ĐÁP ỨNG RNI THEO KHẨU PHẦN ĂN HẰNG NGÀY

(Căn cứ vào Phụ lục số 01 – Thông tư 43/2014/TT-BYT: QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ THỰC PHẨM CHỨC NĂNG)

STT	Vi chất bổ sung	Mức công bố theo nhãn		RNI khuyến nghị*	Mức đáp ứng theo RNI (%)
		Giá trị	Đơn vị		
1	Chất xơ tiêu hóa	≥ 5.000	mg/150 g	N/A	
2	Vitamin C	≥ 42	µg/150 g	70	≥ 60%

**Mức khuyến nghị lấy theo người nam trưởng thành từ 19 – 50 tuổi*

THÔNG TIN NHÃN PHỤ

THỰC PHẨM BỔ SUNG: THỨC UỐNG TRÁI CÂY THẠCH KONNYAKU HƯƠNG ỔI HỒNG - NURISH MATE

Thành phần: Nước, nước nho trắng (từ nước nho trắng cô đặc), đường, puree ổi (1%), polydextroses (4%) (cung cấp 5.000 mg chất xơ), chất tạo gel (407, 425), chất điều chỉnh độ acid (296, 330, 331(iii), 332(ii)), chất ổn định 508, vitamin C (0,08%), chất bảo quản (202, 211), chất tạo ngọt tự nhiên 960a, hương liệu giống tự nhiên.

Thông tin dinh dưỡng: Tổng số phần ăn: 1; Kích cỡ 1 phần ăn: 150 g

Thành phần dinh dưỡng trên một phần ăn: Giá trị năng lượng 60 kcal (3%); Carbohydrate 16 g (5%); Đường tổng số 8 g (16%); Natri 35 mg (2%).

Khối lượng tịnh: 150 g

Dùng trực tiếp. Ngon hơn khi dùng lạnh. Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát. Sau khi mở nắp, nên bảo quản lạnh và sử dụng trong ngày.

NSX và HSD:

Đối tượng sử dụng: Người lớn và trẻ em trên 3 tuổi

Sản xuất bởi: MAXMA FOOD CO., LTD. - 14 Soi Chalermprakiat Rama 9 Soi 2 Junction 2, Srinakarin Road Nongbon, Pravet, Bangkok 10250, Thailand (Thái Lan).

Nhập khẩu và phân phối bởi: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB, 163 Phan Đăng Lưu, P. 1, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cảnh báo: Nên dùng chậm rãi để tránh bị nghẹn. Không sử dụng sản phẩm có dấu hiệu hư hỏng hoặc bao bì bị rách, phồng.

Số TCB: 132/EB/2023

THỰC PHẨM BỔ SUNG: THỨC UỐNG TRÁI CÂY THẠCH KONNYAKU HƯƠNG ỔI HỒNG - NURISH MATE

Thành phần: Nước, nước nho trắng (từ nước nho trắng cô đặc), đường, puree ổi (1%), polydextroses (4%) (cung cấp 5.000 mg chất xơ), chất tạo gel (407, 425), chất điều chỉnh độ acid (296, 330, 331(iii), 332(ii)), chất ổn định 508, vitamin C (0,08%), chất bảo quản (202, 211), chất tạo ngọt tự nhiên 960a, hương liệu giống tự nhiên.

Thông tin dinh dưỡng: Tổng số phần ăn: 3; Kích cỡ 1 phần ăn: 150 g (1 gói)

Thành phần dinh dưỡng trên một phần ăn: Giá trị năng lượng 60 kcal (3%); Carbohydrate 16 g (5%); Đường tổng số 8 g (16%); Natri 35 mg (2%).

Khối lượng tịnh: 450 g (3 gói x 150 g)

Dùng trực tiếp. Ngon hơn khi dùng lạnh. Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát. Sau khi mở nắp, nên bảo quản lạnh và sử dụng trong ngày.

NSX và HSD:

Đối tượng sử dụng: Người lớn và trẻ em trên 3 tuổi

Sản xuất bởi: MAXMA FOOD CO., LTD. - 14 Soi Chalermprakiat Rama 9 Soi 2 Junction 2, Srinakarin Road Nongbon, Pravet, Bangkok 10250, Thailand (Thái Lan).

Nhập khẩu và phân phối bởi: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB, 163 Phan Đăng Lưu, P. 1, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cảnh báo: Nên dùng chậm rãi để tránh bị nghẹn. Không sử dụng sản phẩm có dấu hiệu hư hỏng hoặc bao bì bị rách, phồng.

Số TCB: 132/EB/2023

	BỮA ĂN MỘT GÓI BẢN DỊCH STEVIA **Thức Uống Trái Cây Thạch Konnyaku** **CHẤT XƠ** **5.000 mg** Giàu Vitamin C **Hương ổi hồng** Khối lượng tịnh 150g
	Thức Uống Trái Cây Thạch Konnyaku Hương Ổi Hồng với chất xơ, vitamin C cùng với puree ổi và 10% nước ép nho trắng, hương ổi hồng (Nhãn hiệu Nurish Mate) 10-1-09857-5-0005 8858943101054
	Hiệu Nurish Mate STEVIA Cỏ ngọt **Chất xơ** **5.000 mg** VITAMIN C Khối lượng tịnh 150 g x 3 gói

BẢN DỊCH

	Nurish Mate 60 Kcal **Thức Uống Trái Cây Thạch Konnyaku Hương Ổi Hồng** với chất xơ và vitamin C cùng với puree ổi và 10% nước ép nho trắng (Nhãn hiệu Nurish Mate)
	Thành phần chính: Nước nho trắng (Từ nước nho trắng cô đặc) 10%, đường 3.5%, puree ổi 1%, Polydextroses 4.0% (cung cấp 5000 mg chất xơ, chất tạo gel (INS 407, INS 425), chất điều chỉnh độ axit (INS 296, INS 330, INS 331 (iii), INS 332 (ii)), chất ổn định (INS 508), Vitamin C 0.08%, chất bảo quản (INS 202, INS 211), chất tạo ngọt (đường Steviol Glycosides từ cây cỏ ngọt), hương liệu giống tự nhiên

BẢN DỊCH

ข้อมูลโภชนาการ (Nutrition Information)	Thông tin dinh dưỡng
หนึ่งหน่วยบริโภค : 1 ซอง (150 ก.) (Serving size : 1 pouch (150 g)) จำนวนหน่วยบริโภคต่อซอง : 1 (Serving per container : 1)	Tổng khẩu phần: 1 gói (150g) Khẩu phần ăn trên mỗi gói: 1
คุณค่าทางโภชนาการต่อหนึ่งหน่วยบริโภค (Amount per serving) พลังงานทั้งหมด 60 กิโลแคลอรี่ (Total Energy 60 Kcal) ((พลังงานจากไขมัน 0 กิโลแคลอรี่)(Energy from fat 0 Kcal))	Giá trị dinh dưỡng mỗi khẩu phần Tổng năng lượng 60 kcal Năng lượng từ chất béo 0 kcal
ร้อยละของปริมาณที่แนะนำต่อวัน* (Percent Thai RDI)	Phần trăm lượng khuyến nghị hàng ngày*
ไขมันทั้งหมด (Total Fat) 0 ก.(g) 0%	Tổng chất béo 0g (g) 0%
ไขมันอิ่มตัว (Saturated Fat) 0 ก. (g) 0%	Chất béo bão hòa 0g (g) 0%
โคเลสเตอรอล (Cholesterol) 0 มก. (mg) 0%	Cholesterol 0mg (mg) 0%
โปรตีน (Protein) 0 ก. (g)	Protein 0g (g)
คาร์โบไฮเดรตทั้งหมด (Total Carbohydrate) 16 ก. (g) 5%	Tổng lượng carbohydrate 16g (g) 5%
ใยอาหาร (Fiber) 6 ก. (g) 24%	Chất xơ 6g (g) 24%
น้ำตาลทราย (Sugar) 8 ก. (g)	Đường 8g (g)
โซเดียม (Sodium) 35 มก. (mg) 2%	Natri 35mg (mg) 2%
ร้อยละของปริมาณที่แนะนำต่อวัน* (Percent Thai RDI)	Phần trăm lượng khuyến nghị hàng ngày*
วิตามินซี (Vitamin C) 70%	Vitamin C 70%
*ร้อยละของปริมาณสารอาหารที่แนะนำให้บริโภคต่อวัน สำหรับคนไทยอายุตั้งแต่ 6 ปีขึ้นไป(THAI RDI) โดยคิดจากความต้องการพลังงานวันละ 2,000 กิโลแคลอรี่ (Percent Thai Recommend Daily Intakes for population over 6 year of age are based on a 2,000 Kcal Diet.)	*Tỷ lệ phần trăm chất dinh dưỡng được khuyến nghị dùng hàng ngày dành cho người Thái Lan từ 6 tuổi trở lên (THAI RDI) dựa trên chế độ ăn 2.000 Kcal.

ศูนย์อิสลามแห่งประเทศไทย CICOT.HL.87 K058 005 09 63 10-1-09857-5-0005	Ủy ban Hồi giáo Trung Ương Thái Lan CICOT.HL.87 K058 005 09 63 10-1-09857-5-0005
ผลิตและจัดจำหน่ายโดย (Manufactured and Distributed by): บริษัท แม็กซ์ม่าฟู้ด จำกัด (Maxma Food Co.,Ltd) 14 ซ.เอลีนพระเกียรติ ร.9 ซอย 2 แยก 2 ถ. ศรีนครินทร์ หนองบอน ประเวศ กรุงเทพฯ 10250 โทร. 02-383-9075 แฟกซ์ 02-366-0741	Sản xuất và phân phối bởi Maxma Food Co., Ltd

BẢN DỊCH

Hiệu
Nurish Mate

Konnyaku Jelly
Chứa Vitamin

Konnyaku!
Ngon, dẻo
STEVIA
Chiết xuất từ cây cỏ ngọt

Hiệu
Nurish Mate

Hương ổi hồng
Thức Uống Trái Cây Thạch Konnyaku
Hương Ổi Hồng với chất xơ và vitamin C cùng với puree ổi hồng và 10% nước ép nho trắng
(Nhãn hiệu Nurish Mate)

Ảnh quả ổi chỉ mang tính chất truyền tải hương vị

Khối lượng tịnh 150g

BẢN DỊCH

Hiệu Nurish Mate

STEVIA
Cỏ ngọt

Chất xơ
5.000 mg

VITAMIN C

- ✓ Thành phần có chứa konnyaku
- ✓ Không có chất làm ngọt nhân tạo mà không đến từ tự nhiên.

Khối lượng tịnh 150 g x 3 gói

BẢN DỊCH

Giới thiệu sản phẩm

1. Làm lạnh trước khi sử dụng sẽ tăng sự thơm ngon.
2. Sau lần mở đầu tiên nên được lưu trữ ở một nơi mát mẻ và tiêu thụ trong vòng 24 giờ.
3. Nên bảo quản ở nhiệt độ phòng hoặc nơi thoáng mát, tránh tiếp xúc với ánh sáng.
4. Màu sắc của sản phẩm thay đổi theo nguyên liệu.
5. Trẻ em không nên sử dụng, cẩn thận bị nghẹn.
6. Nếu phát hiện bao bì bất thường như rách, phồng, có vết rách hoặc mùi bất thường thì không nên sử dụng.

Nên thường xuyên ăn đa dạng các loại thực phẩm thuộc 5 nhóm thực phẩm với tỷ lệ phù hợp.
Có sử dụng chất bảo quản

Trẻ em nên tiêu thụ ít hơn.

Ảnh quả ổi chỉ mang tính chất truyền tải hương vị **Nurish Mate** 60 Kcal

Thức Uống Trái Cây Thạch Konnyaku Hương Ổi Hồng
với chất xơ, vitamin C
cùng với puree ổi và 10% nước ép nho trắng, hương ổi hồng
(Nhãn hiệu Nurish Mate)

BẢN DỊCH

⊘ มีส่วนผสมของบุก ⊘ ไม่มีส่วนผสมของสารให้ความหวานแทนน้ำตาลที่ไม่ได้มาจากธรรมชาติ กินเพื่อเพิ่มความสดชื่น **ส่วนประกอบที่สำคัญ(Ingredient):** น้ำองุ่นขาว(จากน้ำองุ่นขาวเข้มข้น) White Grape Juice (from White Grape Juice Concentrated) 10%, น้ำตาลทราย(Sugar) 3.5%, เนื้อฝรั่ง(Guava puree) 1%, พอลิเดกซ์โทรส (Polydextroses) 4.0% (ให้ไฟเบอร์ 5,000 มก.)(Provide Fiber 5,000 mg),สารทำให้เกิดเจล (Gelling agent)(INS 407,INS 425),สารควบคุมความเป็นกรด (Acidity Regulator)(INS 296,INS 330,INS 331(iii), INS 332(ii)),สารให้ความคงตัว(Stabilizing agent)(INS 508), วิตามินซี(Vitamin C) 0.08%, วัตถุกันเสีย (Preservative) (INS 202,INS 211), วัตถุให้ความหวานแทนน้ำตาล (สตีวิออลไกลโคไซด์จากหญ้าหวาน)(Sweetener)(Steviol glycosides), แต่งกลิ่นเลียนธรรมชาติ (Nature Identical Flavour)	Sử dụng tăng thêm sự sảng khoái ✓ Thành phần có chứa konnyaku. ✓ Không có chất làm ngọt nhân tạo mà không đến từ tự nhiên. **Thành phần:** Nước nho trắng (Từ nước nho trắng cô đặc) 10%, đường 3.5%, puree ổi 1%, Polydextroses 4.0% (cung cấp 5000 mg chất xơ, chất tạo gel (INS 407, INS 425), chất điều chỉnh độ axit (INS 296, INS 330, INS 331 (iii), INS 332 (ii)), chất ổn định (INS 508), Vitamin C 0.08%, chất bảo quản (INS 202, INS 211), chất tạo ngọt (đường Steviol Glycosides từ cây cỏ ngọt), hương liệu giống tự nhiên

ข้อมูลโภชนาการ (Nutrition Information) หนึ่งหน่วยบริโภค : 1 ซอง (150 ก.) (Serving size : 1 pouch (150 g)) จำนวนหน่วยบริโภคต่อซอง : 1 (Serving per container : 1)	Thông tin dinh dưỡng Tổng khẩu phần: 1 gói (150g) Khẩu phần ăn trên mỗi gói: 1
คุณค่าทางโภชนาการต่อหนึ่งหน่วยบริโภค (Amount per serving) พลังงานทั้งหมด 60 กิโลแคลอรี่ (Total Energy 60 Kcal) ((พลังงานจากไขมัน 0 กิโลแคลอรี่)(Energy from fat 0 Kcal))	Giá trị dinh dưỡng mỗi khẩu phần Tổng năng lượng 60 kcal Năng lượng từ chất béo 0 kcal
ร้อยละของปริมาณที่แนะนำต่อวัน* (Percent Thai RDI) ไขมันทั้งหมด (Total Fat) 0 ก.(g) 0% ไขมันอิ่มตัว (Saturated Fat) 0 ก. (g) 0% โคเลสเตอรอล (Cholesterol) 0 มก. (mg) 0% โปรตีน (Protein) 0 ก. (g) คาร์โบไฮเดรตทั้งหมด (Total Carbohydrate) 16 ก. (g) 5% ใยอาหาร (Fiber) 6 ก. (g) 24% น้ำตาลทราย (Sugar) 8 ก. (g) โซเดียม (Sodium) 35 มก. (mg) 2%	Phần trăm lượng khuyến nghị hàng ngày* Tổng chất béo 0g (g) 0% Chất béo bão hòa 0g (g) 0% Cholesterol 0mg (mg) 0% Protein 0g (g) Tổng lượng carbohydrate 16g (g) 5% Chất xơ 6g (g) 24% Đường 8g (g) Natri 35mg (mg) 2%
ร้อยละของปริมาณที่แนะนำต่อวัน* (Percent Thai RDI) วิตามินซี (Vitamin C) 70%	Phần trăm lượng khuyến nghị hàng ngày* Vitamin C 70%
*ร้อยละของปริมาณสารอาหารที่แนะนำให้บริโภคต่อวัน สำหรับคนไทยอายุตั้งแต่ 6 ปีขึ้นไป(THAI RDI) โดยคิดจากความต้องการพลังงานวันละ 2,000 กิโลแคลอรี่ (Percent Thai Recommend Daily Intakes for population over 6 year of age are based on a 2,000 Kcal Diet.)	*Tỷ lệ phần trăm chất dinh dưỡng được khuyến nghị dùng hàng ngày dành cho người Thái Lan từ 6 tuổi trở lên (THAI RDI) dựa trên chế độ ăn 2.000 Kcal.

BẢN DỊCH

ดูวันเดือนปีที่ผลิตและหมดอายุ ที่ระบุไว้บนซอง حلال THE CENTRAL ISLAMIC COUNCIL OF THAILAND CICOT.HL. 87 K058 005 09 63 10-1-09857-5-0005	Xem ngày tháng năm sản xuất và hạn sử dụng được ghi trên bao bì Ủy ban Hồi giáo Trung Ương Thái Lan CICOT.HL.87 K058 005 09 63 10-1-09857-5-0005
ผลิตและจัดจำหน่ายโดย (Manufactured and Distributed by): บริษัท แม็กซ์มาฟูด จำกัด (Maxma Food Co.,Ltd) 14 ซ.เฉลิมพระเกียรติ ร.9 ซอย 2 แยก 2 ถ. ศรีนครินทร์ หนองบอน ประเวศ กรุงเทพฯ 10250 โทร. 02-383-9075 แฟกซ์ 02-366-0741	Sản xuất và phân phối bởi Maxma Food Co., Ltd 14 Soi Chaloem Phrakiat Rama S.9, Soi 2 Giao lộ 2, Đường Srinakarin phường Nong Bon, quận Prawet, thành phố Băng Cốc - 10250 Điện thoại 02-383-9075, Fax 02-366-0741

Tôi, Đinh Thị Hòe, CMND số: 186820408 do Công an tỉnh Nghệ An cấp ngày 29/05/2013; cam đoan dịch chính xác giấy tờ/ văn bản này từ tiếng **Anh sang tiếng Việt**.

Người dịch

Đinh Thị Hòe

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 21 tháng 08 năm 2023 (Ngày hai mươi mốt tháng tám năm hai nghìn không trăm hai mươi ba)

Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tôi, Vũ Thị Phương - Công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật.

CHỨNG NHẬN

- Bản dịch này do bà Đinh Thị Hòe, CMND số: 186820408 do Công an tỉnh Nghệ An cấp ngày 29/05/2013, là cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội, đã dịch từ tiếng **Anh sang tiếng Việt** .
- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của bà Đinh Thị Hòe;
- Nội dung của bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội;
- Văn bản công chứng này được lập thành 02 bản chính, mỗi bản gồm 04 tờ, 04 trang, lưu một (1) bản tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Số công chứng: 7926 Quyển số: 01 /2023 TP/CC-SCC/BD

CÔNG CHỨNG VIÊN

S.Đ.K.H.Đ: 69 - Q.T.H.Đ
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN HUỆ
Q. ĐỐNG ĐA - T.P HÀ NỘI

Vũ Thị Phương

Tôi, Phan Thị Hiền , Căn cước công dân số: 044189002411 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 04/05/2019 ; cam đoan dịch chính xác giấy tờ/ văn bản này từ tiếng **Thái Lan sang tiếng Việt**.

Người dịch

Phan Thị Hiền

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 21 tháng 08 năm 2023 (Ngày hai mươi một tháng tám năm hai nghìn không trăm hai mươi ba)

Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tôi, - Công chứng viên,trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật.

Vũ Thị Phượng

CHỨNG NHẬN

- Bản dịch này do bà Phan Thị Hiền , Căn cước công dân số: 044189002411 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 04/05/2019 ; là cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội, đã dịch từ tiếng **Thái Lan sang tiếng Việt**.

- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của bà Phan Thị Hiền ;

- Nội dung của bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội;

- Văn bản công chứng này được lập thành 02 bản chính, mỗi bản gồm 06 tờ, 06 trang, lưu một (1) bản tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Số công chứng: 7927 Quyển số: 01 /2023 TP/CC-SCC/BD

CÔNG CHỨNG VIÊN

S.Đ.K.H.Đ : 89 - C.T.H.D
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN HUỆ
Q. ĐỐNG ĐA - T.P HÀ NỘI

Vũ Thị Phượng

Ngày 11 tháng 05 năm 2023

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB

LÊ THỊ MINH TRANG

Giám Đốc Chất Lượng và Vệ Sinh ATTP Toàn Quốc

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB

4

Fiber
5,000 mg
ใยอาหาร 5,000 มก.

Vitamin C
วิตามินซี

www.nurish-mate.com
Facebook Page Nurishmate

ONE PACK MEAL

Nurish Mate

บุก! อร่อย หนึบ

STEVIA

ตรา
นูริช เมท

コンニャクドリンク

KONNYAKU JELLY

FIBER

5,000 mg
Hi-Vitamin C
ใยอาหาร 5,000 มก.
วิตามินซีสูง

กลิ่นฝรั่งชมพู / Pink Guava flavour

วุ้นมะเยลลี่บุก และคาราจีแนน
ผสมใยอาหาร และวิตามินซี
พร้อมเนื้อฝรั่ง และน้ำองุ่นขาว 10%
(ตรา นูริช เมท)

น้ำหนักสุทธิ 150 กรัม
Net Weight 150 g

ภาพฝรั่งชมพูเพื่อเปรียบเทียบรูปร่างเท่านั้น

ข้อแนะนำผลิตภัณฑ์

1. แช่เย็นก่อนบริโภค เพื่อเพิ่มความอร่อย
2. หลังจากการเปิดครั้งแรก ควรเก็บในที่เย็น และบริโภคให้หมดภายใน 24 ชม.
3. ควรเก็บรักษาที่อุณหภูมิห้อง หรือที่เย็น หลีกเลี่ยงการโดนแสง
4. สีของผลิตภัณฑ์เปลี่ยนแปลงตามวัตถุดิบ
5. เด็กไม่ควรกิน ระวังสำลัก
6. หากพบภาชนะบรรจุผิดปกติ เช่น รั่วบวม มีรอยฉีกขาด หรือมีกลิ่นผิดปกติ ไม่ควรรับประทาน

ควรกินอาหารหลากหลายครบ 5 หมู่ ในสัดส่วนที่เหมาะสมเป็นประจำ

ใช้วัตถุกันเสีย

เด็กควรบริโภคแต่น้อย

Nurish Mate

60 Kcal

Jelly Konnyaku and Carrageenan with Fiber, Vitamin C and Guava Puree, 10% White grape juice, Pink Guava Flavour (Nurish Mate brand)

มีส่วนผสมของบุก
ไม่มีส่วนผสมของสารให้ความหวานสกัดน้ำตาล ที่ไม่ได้มาจากธรรมชาติ

กินเพื่อเติมความสดชื่น

ข้อมูลโภชนาการ (Nutrition Information)
หนึ่งหน่วยบริโภค : 1 ซอง (150 ก.) (Serving size : 1 pouch (150 g))
จำนวนหน่วยบริโภคต่อซอง : 1 (Serving per container : 1)

ปริมาณต่อหนึ่งหน่วยบริโภค (Amount per serving)	
พลังงานทั้งหมด 60 กิโลแคลอรี (Total Energy 60 Kcal)	
(พลังงานจากไขมัน 0 กิโลแคลอรี)(Energy from fat 0 Kcal)	
	ร้อยละของปริมาณที่แนะนำต่อวัน* (Percent Thai RDI)
ไขมันทั้งหมด (Total Fat) 0 ก. (g)	0%
ไขมันอิ่มตัว (Saturated Fat) 0 ก. (g)	0%
โคเลสเตอรอล (Cholesterol) 0 มก. (mg)	0%
โปรตีน (Protein) 0 ก. (g)	
คาร์โบไฮเดรตทั้งหมด (Total Carbohydrate) 16 ก. (g)	5%
ใยอาหาร (Fiber) 5 ก. (g)	24%
น้ำตาลทราย (Sugar) 8 ก. (g)	
โซเดียม (Sodium) 35 มก. (mg)	2%
	ร้อยละของปริมาณที่แนะนำต่อวัน* (Percent Thai RDI)
วิตามินซี (Vitamin C)	70%

*โภชนาการที่แนะนำสำหรับการบริโภคต่อวัน สำหรับเด็กอายุต่ำกว่า 6 ปีขึ้นไป(Thai RDI) โดยพิจารณาความต้องการพลังงานประมาณ 2,000 กิโลแคลอรี (Percent Thai Recommend Daily Intakes for population over 6 year of age are based on a 2,000 Kcal Diet.)

ควรเก็บบริโภคภายในวันที่ระบุไว้บนซอง

حلال

10-1-09857-5-0005

ผลิตและจัดจำหน่ายโดย
(Manufactured and Distributed by):
บริษัท แม็กซ์ม่าฟู้ด จำกัด (Maxma Food Co.,Ltd)
14 ซ.เฉลิมพระเกียรติ ร.9 ซอย 2 แขวง 2 ถ. ศรีนครินทร์
หนองบอน ประเวศ กรุงเทพฯ 10250
โทร. 02-383-9075 แฟกซ์ 02-366-0741

8 858943 100057

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: 1X227E0022-4

1. **Tên khách hàng/** *Client's Name* : **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB**
2. **Địa chỉ/** *Client's Address* : 163 Phan Đăng Lưu, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
3. **Ngày nhận mẫu/** *Date sample(s) received* : 26/04/2023
4. **Ngày phân tích mẫu/** *Date of Performance of Test* : 26/04/2023
5. **Ngày trả kết quả/** *Date of Issue* : 01/05/2023
6. **Thông tin mẫu/** *Name of Sample* : **THỰC PHẨM BỔ SUNG: THỨC UỐNG TRÁI CÂY THẠCH KONNYAKU HƯƠNG ỔI HỒNG - NURISH MATE**
7. **Mô tả mẫu/** *Sample Description* : Mẫu chứa trong bao bì kín (Mẫu do khách hàng cung cấp)
8. **Ghi chú/** *Note* :
9. **Bảng kết quả/** *Results Table* :

STT/ *No.*		Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	LS	Ochratoxin A (*) / Ochratoxin A (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.3	TS-KT-SK-41:2018 (Ref. EUR 23657 EN – 2009)
2	LS	Patulin (*) / Patulin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	1.15	TS-KT-SK-65:2018 (Ref. AOAC 2000.02)
3	LS	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)
4	LS	Coliforms (*) / Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2007)
5	LS	Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)
6	LS	Streptococci feacal / Streptococci feacal	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	Ref. TCVN 6189-2:2009 (ISO 7899-2:2000)
7	LS	Pseudomonas aeruginosa (*) / Pseudomonas aeruginosa (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	Ref. TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)
8	LS	Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	AOAC 975.55
9	LS	Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)
10	LS	Tổng số bào tử nấm men nấm mốc / Total spores of yeasts and moulds	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	Ref. TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008)
11	LS	Propargite / Propargite	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.01	TS-KT-SK-09:2020

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ *This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: 1X227E0022-4

STT/ *No.*		Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
12	LS	Vitamin C (Ascorbic acid) (*) / Vitamin C (Ascorbic acid) (*)	75.2	mg/150g	-	TS-KT-SK-32:2019 (Ref. TCVN 8977:2011, AOAC 2012.21)
13	LS	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-02:2018
14	LS	Xơ tiêu hóa (*) / Total dietary fiber (*)	5.96	g/150g	-	TS-KT-HCB-104:2020

Chú thích/ *Remarks*:

1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL

HUỲNH TẤN CƯỜNG

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ *This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.*

Trang/ *Page No*: 1/1
Ngày ban hành/ *Date of issue*: 31/05/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: 1X244F0013
Mã KQ/ *RP. No*: 003006268.00

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* (c) : **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* (c) : 163 Phan Đăng Lưu, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date of receiving* : 26/05/2023
4. **Thời gian phân tích**/ *Date of Testing* : 26/05/2023 - 31/05/2023
5. **Thông tin mẫu**/ *Information of sample* (c) : **THỰC PHẨM BỔ SUNG: THỨC UỐNG TRÁI CÂY THẠCH KONNYAKU HƯƠNG ỔI HỒNG - NURISH MATE**
6. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong túi nhựa
7. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*		Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	LS	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
2	LS	Thủy ngân (Hg) (*) / Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021

Chú thích/ *Remarks*:
1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2.(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limit of detection.
4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.
5.Mẫu do khách hàng cung cấp/ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

M.S.C.N: 0314212615-001-C.T.T.N.H.H
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
Q.TÂN BÌNH-TP. HỒ CHÍ MINH

HUỲNH TẤN CƯỜNG

Trang/ *Page No*: 1/1
Ngày ban hành/ *Date of issue*: 22/05/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: 1X242E0899
Mã KQ/ *RP. No*: 003004276.00

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* (c) : **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* (c) : 163 Phan Đăng Lưu, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date of receiving* : 16/05/2023
4. **Thời gian phân tích**/ *Date of Testing* : 16/05/2023 - 22/05/2023
5. **Thông tin mẫu**/ *Information of sample* (c) : **THỰC PHẨM BỔ SUNG: THỨC UỐNG TRÁI CÂY THẠCH KONNYAKU HƯƠNG ỔI HỒNG - NURISH MATE**
6. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong túi nhựa
7. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

STT/ *No.*		Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	LS	Tổng số nấm men nấm mốc (*) / Yeasts and moulds (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008)

Chú thích/ *Remarks*:
1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2.(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limit of detection.
4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.
5.Mẫu do khách hàng cung cấp/ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

M.S.D.N: 0314212615-001-C.T.N.H.H
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
Q.TÂN BÌNH-TP. HỒ CHÍ MINH

HUỲNH TẤN CƯỜNG

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ *Information is provided by the customer.*
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ *Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.*
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ *This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.*